

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2021

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng.

Bà Đào Thị Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1985.

HKTT: Số 26, đường 14, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Liên lạc: Số 3, đường 54, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1977.

HKTT: Số 26, đường 14, ấp T, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự hòa hợp, không quan tâm đến nhau và đã ly thân được khoảng 04 – 05 tháng, nên chị

yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quốc A, sinh ngày: 02/12/2009 và cháu Trần Hải Y, sinh ngày: 09/12/2012. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Y và giao cháu A cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu V tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008.

Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì nhiều, chủ yếu là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, không đến mức phải ly hôn, thực tế vợ chồng đã sống riêng từ trước tết âm lịch 2021 cho đến nay, nhưng nay chị V yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quốc A, sinh ngày: 02/12/2009 và cháu Trần Hải Y, sinh ngày: 09/12/2012. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V là có cơ sở Y cho chị V nuôi dưỡng, giao cháu A cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị V phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thu V nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc H, sinh năm: 1977, địa chỉ: Số 26, đường 14, ấp T, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “Ly hôn và tranh

chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị V nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 17/4/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị V yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H không đồng ý, tuy nhiên tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn với chị V nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có hai con chung là cháu Trần Quốc A, sinh ngày: 02/12/2009 và Trần Hải Y, sinh ngày: 09/12/2012. Ly hôn, chị V và anh H đều thống nhất giao cháu Quốc Anh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng; đồng thời cháu A có nguyện vọng và hiện đang sinh sống cùng anh H nên giao cháu A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Y, chị V và anh H đều có yêu cầu được nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên cháu Y là con gái, hiện nay đang sống cùng chị V, hơn nữa cháu Y có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên giao cháu Y cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định hơn.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu V về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” với anh Trần Quốc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu V với anh Trần Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc A, sinh ngày: 02/12/2009 cho anh Trần Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Trần Hải Y, sinh ngày: 09/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Quốc H và chị Nguyễn Thị Thu V được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006132 ngày 29/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Thu V đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương